

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

# CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Doãn Văn Quang	Chủ tịch
Ông Daisuke Komoto	Ủy viên
Ông Shinijo Suga	Ủy viên
Ông Doãn Trường Giang	Ủy viên
Ông Trần Văn Thiệu	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Doãn Trường Giang	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Hưng	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Thị Chi	Kiểm soát viên

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đoãn Trường Giang

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 03 năm 2021

Số: 032303/2021/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2021, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2018-072-1  
Ngày 23 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Huy Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2018-072-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>185.881.378.882</b>	<b>179.204.799.485</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>101.186.258.641</b>	<b>5.796.142.509</b>
1. Tiền	111		9.696.258.641	4.147.246.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		91.490.000.000	1.648.895.594
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>80.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	80.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.491.926.791</b>	<b>74.383.918.331</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	178.351.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2	7.382.976.786	22.500.240.875
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	46.067.893.354	51.664.269.702
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.056.651	41.056.651
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>31.061.326.614</b>	<b>18.846.488.722</b>
1. Hàng tồn kho	141		31.061.326.614	18.846.488.722
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>141.866.836</b>	<b>178.249.923</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	141.866.836	178.249.923
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>168.744.872.985</b>	<b>72.466.949.988</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>147.989.959.150</b>	<b>49.645.188.878</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	147.989.959.150	49.225.188.878
- Nguyên giá	222		489.804.563.600	365.975.942.017
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(341.814.604.450)	(316.750.753.139)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	-	420.000.000
- Nguyên giá	228		506.400.000	926.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(506.400.000)	(506.400.000)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.754.913.835</b>	<b>22.821.761.110</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	20.754.913.835	22.821.761.110
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>354.626.251.867</b>	<b>251.671.749.473</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>149.849.388.455</b>	<b>111.735.268.381</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.969.012.030</b>	<b>89.283.783.390</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	20.324.253.199	16.242.928.514
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	35.934.302.370	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	44.838.002.058	33.388.465.173
4. Phải trả người lao động	314		14.531.980.109	12.921.257.487
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	2.828.060.000	2.655.078.948
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	3.652.963.654	3.087.902.628
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	20.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		859.450.640	988.150.640
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.880.376.425</b>	<b>22.451.484.991</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	26.880.376.425	22.451.484.991
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>204.776.863.412</b>	<b>139.936.481.092</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>204.776.863.412</b>	<b>139.936.481.092</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		90.151.900.779	31.009.858.083
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.802.481.189	59.140.393.104
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		64.802.481.189	59.140.393.104
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		285.417.284	249.165.745
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>354.626.251.867</b>	<b>251.671.749.473</b>

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Đoãn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	709.817.353.365	586.964.660.378
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	16.524.961	1.637.377.041
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	709.800.828.404	585.327.283.337
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	550.334.801.540	452.164.309.301
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		159.466.026.864	133.162.974.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.518.028.433	4.763.739.692
7. Chi phí tài chính	22		319.784.226	240.970.069
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		319.784.226	240.970.069
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	69.509.030.046	53.477.538.746
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	13.785.693.367	9.997.334.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.369.547.658	74.210.870.288
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.499.120.548	3.003.830.786
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.762.898.836	2.862.560.048
13. Lợi nhuận khác	40		1.736.221.712	141.270.738
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.105.769.370	74.352.141.026
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	17.265.387.050	15.162.582.177
16. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.840.382.320	59.189.558.849
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		64.802.481.189	59.140.393.104
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		37.901.131	49.165.745
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	21.601	19.713
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		21.601	19.713

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	82.105.769.370	74.352.141.026
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	27.342.527.750	10.479.112.804
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.880.952.491)	(4.763.739.692)
Chi phí lãi vay	06	319.784.226	240.970.069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	102.887.128.855	80.308.484.207
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	16.664.552.177	(48.992.947.118)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(12.214.837.892)	(7.620.097.983)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	56.566.573.275	19.131.416.593
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.103.230.362	(9.567.148.524)
Tiền lãi vay đã trả	14	(319.784.226)	(240.970.069)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.708.014.241)	(10.841.113.748)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	149.978.848.310	22.177.623.358
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(126.158.923.055)	(7.362.069.089)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.834.549.091	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(51.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	80.000.000.000	41.300.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.745.467.796	4.763.739.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.578.906.168)	(12.598.329.397)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	63.915.064.071
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.000.000.000)	(43.915.064.071)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.826.010)	(42.567.611.883)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.009.826.010)	(22.567.611.883)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	95.390.116.132	(12.988.317.922)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.796.142.509	18.784.460.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	101.186.258.641	5.796.142.509

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Đoãn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 03 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 số 5700433939 ngày 04 tháng 09 năm 2019 vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.000.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 503 người.

**Công ty con**

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long có 01 công ty con, cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh	99,00%	Sản xuất bia và nước giải khát

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, nhập khâu mặt hàng nước giải khát có cồn và không có cồn (Bia, rượu và các loại nước giải khát khác).
- Kinh doanh dịch vụ tổng hợp.
- Nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai do Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định của Công ty là phần mềm kế toán, và quyền sử dụng đất lâu dài. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các loại chai, keg đựng bia, công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.721.977.906	813.173.818
Tiền gửi ngân hàng	7.974.280.735	3.334.073.097
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	91.490.000.000	1.648.895.594
<b>Cộng</b>	<b>101.186.258.641</b>	<b>5.796.142.509</b>

(\*) Gồm các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, lãi suất từ 3,3%/năm đến 4,25%/năm.

**2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty KHS Gmbh	3.289.604.000	-
Công ty TNHH Alfa laval Việt Nam	1.595.700.000	-
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	-	17.799.381.145
Công ty TNHH Tư vấn & Xây dựng Hạ tầng Bình Minh	-	2.304.901.000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.497.672.786	2.395.958.730
<b>Cộng</b>	<b>7.382.976.786</b>	<b>22.500.240.875</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	1.251.669.400	1.216.693.750
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	43.118.772.018	45.135.144.422
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	200.248.781	4.427.688.144
Phải thu khác	1.497.203.155	884.743.386
<b>Cộng</b>	<b>46.067.893.354</b>	<b>51.664.269.702</b>

(\*) Gồm các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán L/C phát sinh từ các đơn đề nghị phát hành thư tín dụng của Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Đông Mai. Bao gồm:

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 07/2020/2307948/HĐBĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 3,4%/năm, có kỳ hạn 01 tháng. Số dư cầm cố của hợp đồng này tại 31/12/2020 là 15.082.881.047 đồng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 03/2020/2307948/HĐBĐ ngày 19 tháng 03 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 4,6%/năm, có kỳ hạn 01 tháng. Số dư cầm cố của hợp đồng này tại 31/12/2020 là 925.869.188 đồng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 05/2020/2307948/HĐBĐ ngày 15 tháng 05 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 4,6%/năm, có kỳ hạn 01 tháng. Số dư cầm cố của hợp đồng này tại 31/12/2020 là 1.940.718.713 đồng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 04/2020/2307948/HĐBĐ ngày 24 tháng 04 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 4,75%/năm, có kỳ hạn 01 tháng. Số dư cầm cố của hợp đồng này tại 31/12/2020 là 2.254.889.220 đồng.

Gồm các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán L/C phát sinh từ các đơn đề nghị phát hành thư tín dụng của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long. Bao gồm:

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2020/479127/HĐBĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 3,4%/năm, kỳ hạn 01 tháng. Số dư cầm cố của hợp đồng này tại 31/12/2020 là 502.762.702 đồng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 02/2020/479127/HĐBĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 3,2%/năm, có kỳ hạn 01 tháng. Số dư cầm cố của hợp đồng này tại 31/12/2020 là 12.175.739.378 đồng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 03/2020/479127/HĐBĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 3,8%/năm, kỳ hạn 01 tháng. Số dư cầm cố của hợp đồng này tại 31/12/2020 là 10.094.739.726 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	141.866.836	178.249.923
<b>Cộng</b>	<u>141.866.836</u>	<u>178.249.923</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.997.924.871	19.405.379.088
Chi phí sửa chữa	3.585.056.425	3.164.449.479
Chi phí trả trước dài hạn khác	171.932.539	251.932.543
<b>Cộng</b>	<u>20.754.913.835</u>	<u>22.821.761.110</u>

**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Mẫu số B 09 - DN/HN**Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	19.000.002.469	-	13.377.179.302	-
Công cụ, dụng cụ	813.391.765	-	659.800.015	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.483.368.975	-	3.801.899.840	-
Thành phẩm	4.737.862.685	-	975.961.045	-
Hàng hoá	26.700.720	-	31.648.520	-
<b>Cộng</b>	<b>31.061.326.614</b>	<b>-</b>	<b>18.846.488.722</b>	<b>-</b>

**6. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	420.000.000	506.400.000	506.400.000	926.400.000		
Thanh lý, nhượng bán	(420.000.000)	-	(420.000.000)			
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>506.400.000</b>	<b>506.400.000</b>	<b>506.400.000</b>		
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	-	506.400.000	506.400.000	506.400.000		
Số dư cuối năm	-	506.400.000	506.400.000	506.400.000		
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	420.000.000	-	420.000.000	420.000.000		
Số dư cuối năm	-	-	-	-		



**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Mẫu số B 09 - DN/HN**Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	36.346.418.475	290.747.596.129	34.529.428.010	4.352.499.403	365.975.942.017
Mua trong năm	4.061.818.182	111.075.495.667	9.623.223.636	-	124.760.537.485
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.398.385.570	-	-	-	1.398.385.570
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.330.301.472)	-	-	(2.330.301.472)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>41.806.622.227</b>	<b>399.492.790.324</b>	<b>44.152.651.646</b>	<b>4.352.499.403</b>	<b>489.804.563.600</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	30.951.901.736	261.528.786.471	20.044.224.627	4.225.840.305	316.750.753.139
Khấu hao trong năm	1.501.379.297	21.417.948.751	4.349.509.209	73.690.493	27.342.527.750
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.278.676.439)	-	-	(2.278.676.439)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.453.281.033</b>	<b>280.668.058.783</b>	<b>24.393.733.836</b>	<b>4.299.530.798</b>	<b>341.814.604.450</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	5.394.516.739	29.218.809.658	14.485.203.383	126.659.098	49.225.188.878
Số dư cuối năm	9.353.341.194	118.824.731.541	19.758.917.810	52.968.605	147.989.959.150

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 251.154.285.642 đồng.

**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	11.187.575.446	11.187.575.446	-	-
Công ty LD TNHH CROWN Hà Nội	1.802.558.225	1.802.558.225	-	-
Công ty TNHH ASIA PACKAGING INDUSTRIES VN	929.343.888	929.343.888	5.361.885.564	5.361.885.564
Phải trả cho các đối tượng khác	6.404.775.640	6.404.775.640	10.881.042.950	10.881.042.950
<b>Cộng</b>	<b>20.324.253.199</b>	<b>20.324.253.199</b>	<b>16.242.928.514</b>	<b>16.242.928.514</b>

**9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phạm Thị Nhung	11.495.535.977	11.495.535.977	-	-
Công ty TNHH Minh Linh Star	3.637.399.999	3.637.399.999	-	-
Vũ Minh Chung	2.760.800.000	2.760.800.000	-	-
Các đối tượng khác	18.040.566.394	18.040.566.394	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.934.302.370</b>	<b>35.934.302.370</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	1.954.605.190	122.592.719.216	123.071.983.678	2.433.869.652
Thuế tiêu thụ đặc biệt	25.432.325.939	232.058.933.981	221.845.027.604	15.218.419.562
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.516.579.811	17.265.387.050	15.708.014.241	14.959.207.002
Thuế thu nhập cá nhân	738.613.471	778.172.388	705.466.887	665.907.970
Thuế tài nguyên	14.224.000	320.432.000	323.020.800	16.812.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	747.655.426	747.655.426	-
Phí, lệ phí khác phải nộp nhà nước	181.653.647	93.040.647	5.635.187	94.248.187
<b>Cộng</b>	<b>44.838.002.058</b>	<b>373.856.340.708</b>	<b>362.406.803.823</b>	<b>33.388.465.173</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Chi phí thường cho các đại lý	2.828.060.000	2.630.820.000
Các khoản trích trước khác	-	24.258.948
<b>Cộng</b>	<b><u>2.828.060.000</u></b>	<b><u>2.655.078.948</u></b>

**12. Phải trả khác**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	57.652.963	109.764.333
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.595.310.691	2.978.138.295
<b>Cộng</b>	<b><u>3.652.963.654</u></b>	<b><u>3.087.902.628</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	26.880.376.425	22.451.484.991
<b>Cộng</b>	<b><u>26.880.376.425</u></b>	<b><u>22.451.484.991</u></b>

(i) Các khoản nhận ký quỹ của các đại lý bia của Công ty.

**CÔNG TY CP BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****13. Vốn chủ sở hữu****a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	30.000.000.000	19.537.064.160	33.475.109.562	44.833.887.553	233.724.330	128.079.785.605						
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	59.140.393.104	49.165.745	59.189.558.849						
Tạm phân phối cổ tức	-	-	-	(3.253.472.806)	-	(3.253.472.806)						
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.999.139.032)	-	(1.999.139.032)						
Trả cổ tức	-	-	(2.465.251.479)	(39.281.275.715)	(32.863.362)	(41.779.390.556)						
Trích thường ban điều hành	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)						
<b>Số dư đầu năm nay</b>	30.000.000.000	19.537.064.160	31.009.858.083	59.140.393.104	249.165.745	139.936.481.092						
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	64.802.481.189	37.901.131	64.840.382.320						
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	59.142.042.696	(59.142.042.696)	-	-						
Điều chỉnh khác	-	-	-	1.649.592	(1.649.592)	-						
<b>Số dư cuối năm</b>	30.000.000.000	19.537.064.160	90.151.900.779	64.802.481.189	285.417.284	204.776.863.412						

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 17 tháng 06 năm 2020.

**b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	-	3.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	-	3.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	-	3.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	-	3.000.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>709.817.353.365</b>	<b>586.964.660.378</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán bia	629.068.474.974	511.573.347.416
Doanh thu vận chuyển bia	80.748.878.391	75.391.312.962
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>16.524.961</b>	<b>1.637.377.041</b>
- Chiết khấu thương mại	16.524.961	1.637.377.041
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>709.800.828.404</b>	<b>585.327.283.337</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán bia	512.990.282.558	416.049.707.040
Giá vốn vận chuyển bia	37.344.518.982	36.114.602.261
<b>Cộng</b>	<b>550.334.801.540</b>	<b>452.164.309.301</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.518.028.433	4.763.739.692
<b>Cộng</b>	<b>4.518.028.433</b>	<b>4.763.739.692</b>

**4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	20.166.702.033	14.142.468.078
Các khoản chi phí khác	49.342.328.013	39.335.070.668
<b>Cộng</b>	<b>69.509.030.046</b>	<b>53.477.538.746</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	6.724.136.208	5.818.275.278
Các khoản chi phí khác	7.061.557.159	6.265.150.712
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(2.086.091.365)
<b>Cộng</b>	<b>13.785.693.367</b>	<b>9.997.334.625</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**5. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	2.380.000.000	-
Thu bồi hoàn tiền đặt cọc vỏ chai	103.436.439	1.401.622.131
Các khoản khác	1.015.684.109	1.602.208.655
<b>Cộng</b>	<b>3.499.120.548</b>	<b>3.003.830.786</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	22.238.445	-
Truy thu, phạt và chậm nộp thuế	587.832.704	1.459.569.559
Chi phí bán điện	553.336.000	596.576.410
Các khoản khác	599.491.687	806.414.079
<b>Cộng</b>	<b>1.762.898.836</b>	<b>2.862.560.048</b>

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	1.274.352.071	1.538.096.302
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long	15.991.034.979	13.624.485.875
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>17.265.387.050</b>	<b>15.162.582.177</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	64.802.481.189	59.140.393.104
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	64.802.481.189	59.140.393.104
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>21.601</b>	<b>19.713</b>

Chỉ tiêu quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 được tính theo phương án phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 06 năm 2020. Năm tài chính 2020, Công ty chưa phân phối lợi nhuận cho quỹ khen thưởng phúc lợi dựa trên lợi nhuận đạt được trong năm. Khi tính lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2020, Công ty tạm điều chỉnh số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ đã trích năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt. Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 được trình bày lại theo số quỹ khen thưởng phúc lợi được trích đã được Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt có thay đổi với số tạm trích như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

	Số liệu năm 2019 trước điều chỉnh VND	Số liệu năm 2019 sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	59.140.393.104	59.140.393.104
Quý khen thưởng phúc lợi	2.553.633.922	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>56.586.759.182</b>	<b>59.140.393.104</b>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	3.000.000	3.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>18.862</b>	<b>19.713</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.100.016.740	197.552.850.662
Chi phí nhân công	80.187.948.102	65.432.406.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.342.527.750	10.479.112.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	59.046.024.925	54.921.691.842
<b>Cộng</b>	<b>395.676.517.517</b>	<b>328.386.061.547</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:


	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản thưởng	1.857.719.866	1.531.108.468
<b>Cộng</b>	<b>1.857.719.866</b>	<b>1.531.108.468</b>


**2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

  
Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

  
Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 03 năm 2021